TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 06 /2021 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân;

Căn cứ vào Điều 33; 59 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn V, xã H1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*. Về tài sản: Anh C, chị M thống nhất có khối chung trong thời kỳ hôn nhân như sau:

- 01 xe ô tô cẩu mua vào tháng 5/2018 biển kiểm soát 36C- 25. 073, trị giá 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- 01 xe ô tô cẩu mua vào tháng 4/2019 biển kiểm soát 36C- 28.415, trị giá 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Khi vợ chồng ly hôn, anh chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, anh Cường là người trực tiếp quản lý 02 chiếc xe trên. Hiện tại anh C đã bán hai chiếc xe trên với tổng giá trị bằng 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và là người quản lý số tiền bán xe.

*. Nay Anh C, chị M thỏa thuận chia tài sản như sau:

- Anh C được hưởng 130.000.000đ(một trăm ba mươi triệu đồng).

- Anh C có trách nhiệm phải trả cho chị Miên số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) là tiền chênh lệch về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vào thời gian cụ thể như sau:

+ Ngày 05/02/2021 anh C trả cho chị M số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

+ Ngày 01/8/2021 anh C trả cho chị M số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

+ Ngày 21/12/2021 anh C trả cho chị M số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hàng tháng anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*. Về án phí: Anh, chị thỏa thuận anh C nộp toàn bộ án phí 6.250.000đ (sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) .

Trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2018/ 0004246 ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy